

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐHCQ ĐỢT 3 LẦN 1 - NĂM 2026

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Tên ngành
1	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B1806591	Trần Huệ Trinh	Hóa dược
2	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204287	Nguyễn Thị Tường An	Hóa dược
3	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204289	Nguyễn Trúc Anh	Hóa dược
4	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204293	Lâm Thị Ngọc Diễm	Hóa dược
5	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204295	Nguyễn Thị Xuyên Em	Hóa dược
6	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204304	Rith Cẩm Ras Mây	Hóa dược
7	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204305	Quách Mếnl	Hóa dược
8	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204311	Nguyễn Hiếu Nhân	Hóa dược
9	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204318	Nguyễn Thị Kiều Thanh	Hóa dược
10	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204321	Nguyễn Hoàng Thiện	Hóa dược
11	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204322	Hà Minh Thư	Hóa dược
12	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204324	Lê Trần Thuý Tiên	Hóa dược
13	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204325	Lê Ngọc Minh Trang	Hóa dược
14	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204326	Võ Thị Bích Trâm	Hóa dược
15	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204331	Lương Triệu Vy	Hóa dược
16	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204340	Bùi Thị Quỳnh Giao	Hóa dược
17	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204351	Nguyễn Thị Thảo Ngân	Hóa dược
18	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204353	Trần Đăng Ngoan	Hóa dược
19	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204354	Lê Thái Ngọc	Hóa dược
20	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204359	Mạch Thị Ngọc Phụng	Hóa dược
21	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204364	Quan Phương Thảo	Hóa dược
22	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204368	Phạm Minh Thư	Hóa dược
23	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204369	Trần Ngọc Anh Toàn	Hóa dược
24	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204372	Trần Thị Ngọc Trúc	Hóa dược
25	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2011078	Trần Huỳnh Tuyết Nhung	Hóa học
26	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2109460	Vi Nguyễn Huỳnh Vi	Hóa học
27	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202530	Trần Châu Mỹ An	Hóa học
28	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202539	Phạm Minh Kha	Hóa học
29	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202541	Nguyễn Minh Kim	Hóa học

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Tên ngành
30	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202543	Nguyễn Nhựt Linh	Hóa học
31	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202544	Lê Văn Lộc	Hóa học
32	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202546	Phạm Thị Ngọc Mi	Hóa học
33	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202547	Đào Lê Thảo My	Hóa học
34	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202552	Tăng Bảo Phúc	Hóa học
35	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202555	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Hóa học
36	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202557	Kiều Minh Tâm	Hóa học
37	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202559	Võ Ngọc Đan Thanh	Hóa học
38	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202561	Lê Thị Anh Thư	Hóa học
39	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202563	Trần Hồ Bảo Trâm	Hóa học
40	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202564	Lê Phan Bảo Trân	Hóa học
41	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202570	Nguyễn Thị Mỹ Xuân	Hóa học
42	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202573	Nguyễn Hoàng Tuyết Anh	Hóa học
43	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202574	Võ Khánh Duy	Hóa học
44	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202577	Đinh Thị Cẩm Hân	Hóa học
45	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202583	Hứa Đăng Khôi	Hóa học
46	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202587	Huỳnh Thị Kim Luyện	Hóa học
47	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202588	Nguyễn Thị Xuân Mai	Hóa học
48	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202593	Lê Thành Nhân	Hóa học
49	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202596	Lê Thị Kim Quyên	Hóa học
50	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202599	Trần Đức Tài	Hóa học
51	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202603	Phạm Thị Thanh Thúy	Hóa học
52	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202606	Lê Hoàng Bảo Trân	Hóa học
53	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202607	Võ Huyền Trân	Hóa học
54	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202608	Võ Đình Trí	Hóa học
55	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202611	Lê Ngọc Khả Vy	Hóa học
56	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2202612	Nguyễn Thị Thúy Vy	Hóa học
57	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2107117	Nguyễn Ngọc Thủy	Sinh học
58	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2109937	Tạ Ngọc Việt Anh	Sinh học
59	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203379	Huỳnh Thái Nhựt Anh	Sinh học
60	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203382	Lý Võ Xuân Diệu	Sinh học

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Tên ngành
61	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203383	Nguyễn Mỹ Duyên	Sinh học
62	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203390	Lương Khánh Hương	Sinh học
63	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203392	Nguyễn Hoàng Khang	Sinh học
64	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203395	Nguyễn Đăng Hoàng Kim	Sinh học
65	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203397	Lê Hoàng Nguyệt Linh	Sinh học
66	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203398	Lê Hoàng Nhật Linh	Sinh học
67	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203399	Huỳnh Vũ Luân	Sinh học
68	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203402	Võ Bích Ngân	Sinh học
69	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203403	Võ Văn Trọng Nghĩa	Sinh học
70	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203405	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Sinh học
71	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203407	Lê Yến Nhi	Sinh học
72	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203408	Nguyễn Hồng Nhung	Sinh học
73	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203409	Lê Bảo Phím	Sinh học
74	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203414	Võ Ngọc Trúc Quỳnh	Sinh học
75	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203415	Trần Thị Mai Thi	Sinh học
76	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203416	Kha Ngọc Bảo Thư	Sinh học
77	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203418	Dương Minh Thức	Sinh học
78	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203419	Trần Phi Toàn	Sinh học
79	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203422	Nguyễn Huỳnh Phương Uyên	Sinh học
80	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203423	Trần Huỳnh Khánh Vy	Sinh học
81	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203424	Trương Ngọc Ái Vy	Sinh học
82	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203425	Huỳnh Chúc Xuân	Sinh học
83	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203251	Nguyễn Phúc Bảo	Thống kê
84	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203751	Trần Nguyễn Ngọc Châu	Thống kê
85	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203770	Nguyễn Lê Bảo Ngọc	Thống kê
86	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203777	Lê Đông Phương	Thống kê
87	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203781	Lê Xuân Anh Tài	Thống kê
88	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203800	Trương Thành An	Thống kê
89	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203801	Nguyễn Tuấn Anh	Thống kê
90	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203804	Trương Đình Chấn	Thống kê
91	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203807	Mai Thành Đạt	Thống kê

TT	Đơn vị	Số Quyết định	Ngày ký	MSSV	Họ tên	Tên ngành
92	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203827	Đặng Thị Hoàng Oanh	Thống kê
93	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203832	Nguyễn Văn Sang	Thống kê
94	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203849	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	Thống kê
95	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203873	Nguyễn Đỗ Minh Nhựt	Thống kê
96	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2304138	Tăng Thị Huỳnh Trâm	Thống kê
97	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2304154	Phạm Thị Ngọc Hân	Thống kê
98	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2103270	Từ Công Phúc	Toán ứng dụng
99	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2103301	Nguyễn Mạnh Tùng	Toán ứng dụng
100	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2203253	Lê Chí Dũng	Toán ứng dụng
101	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2303521	Trương Kim Hân	Toán ứng dụng
102	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2303560	Trần Ngọc Diễm	Toán ứng dụng
103	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2303564	Nguyễn Trúc Đào	Toán ứng dụng
104	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2303580	Lê Nguyễn Phụng Nghi	Toán ứng dụng
105	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2303590	Trương Hiếu Thành	Toán ứng dụng
106	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2303592	Lê Anh Thư	Toán ứng dụng
107	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2303594	Huỳnh Thanh Tình	Toán ứng dụng
108	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2013584	Nguyễn Khả Minh	Vật lý kỹ thuật
109	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204985	Lê Đức Duy	Vật lý kỹ thuật
110	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204987	Lê Thị Hồng Đào	Vật lý kỹ thuật
111	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204997	Nguyễn Gia Huy	Vật lý kỹ thuật
112	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204998	Đặng Hoàng Khang	Vật lý kỹ thuật
113	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2204999	Lê Đăng Khang	Vật lý kỹ thuật
114	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2205005	Phạm Vũ Luân	Vật lý kỹ thuật
115	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2205007	Lý Công Mãi	Vật lý kỹ thuật
116	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2205010	Nguyễn Trung Nguyên	Vật lý kỹ thuật
117	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2205017	Trần Đức Quân	Vật lý kỹ thuật
118	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2205020	Nguyễn Cao Hữu Tài	Vật lý kỹ thuật
119	KH	5312/QĐ-ĐHCT	23/09/2026	B2205022	Trần Lê Phước Thịnh	Vật lý kỹ thuật